

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **21/2018/KDTM - PT**
Ngày: 06/02/2018
*V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Các Thẩm phán: Bà Chu Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 19 tháng 01 và 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/KTPT ngày 09/10/2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM – ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐ – PT ngày 22 tháng 12 năm 2017; Quyết định ngừng phiên tòa số 43 ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần K;

Địa chỉ: Số 191 phố B, phường Đ, quận T thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A; chức vụ: Chủ tịch HĐQT; người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị N; chức vụ: Giám đốc xử lý nợ; người được bà N ủy quyền lại: ông Cao Bá L1, cán bộ xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 2285/2017/UQ - K ngày 13/11/2017).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L; cùng trú tại: Số 289 phố T1, phường L2, thị xã S, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phan Như M; trú tại: Số 11, ngõ 12, ngách 153, phố O, phường V, quận B1, thành phố Hà Nội và anh Phan Tuấn A1; trú tại: Số 289 phố T1, phường L2, thị xã S, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của ông H, bà L, chị Phan Như M và anh Phan Tuấn A1 là ông Nhâm Văn H1 theo giấy ủy quyền số 1627 ngày 25/01/2015 và 893 ngày 08/4/2016.

4. Người kháng cáo: Ông Phan Thanh H – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:*

Ngày 26/11/2011, vợ chồng ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L ký Hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD/SLH- HKD/K- HTY vay của Ngân hàng TMCP K số tiền là 1.500.000.000đ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng (ngày hạn trả cuối cùng là 01/12/2014); lãi suất linh hoạt cụ thể như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23% năm; thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày 02/01; 01/4; 01/7; 01/10 và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của Ngân hàng K – Hội sở Chi nhánh STY tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8% năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng với thời điểm thay đổi lãi suất. Ngân hàng đã giải ngân 1.500.000.000đ cho ông Phan Thanh H vào ngày 02/12/2011.

Ngày 18/12/2012, vợ chồng ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị L và Ngân hàng TMCP K ký văn bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 488, lãi suất được điều chỉnh, lãi suất linh hoạt được tính như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 18/12/2012 cho đến ngày 15/01/2013 là 17% năm; thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất tham chiếu (+) biên độ 4,5% năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng với từng thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 07, diện tích 310,6m² tại thôn M1, xã H2, thị xã S, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 582516, vào sổ cấp GCN số 00470 do UBND thị xã S, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 11/3/2004 mang tên ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L. Ngân hàng TMCP K, ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng thế chấp số 4741/2011/HĐTC – K ngày 29/11/2011 lập tại Văn

phòng Công chứng L2, thành phố Hà Nội, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà L đã trả được 500.000.000đ tiền gốc và 358.731.827 đồng tiền lãi. Sau đó ông, bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Ngày 14/9/2015, Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng nêu trên. Trong trường hợp ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản có trên thửa đất nêu trên để thu hồi khoản nợ.

Ngày 10/11/2016, Ngân hàng TMCP K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các tài sản có trên thửa đất nêu trên.

Ngày 25/7/2017, Ngân hàng TMCP K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến phần tính lãi suất phạt của Hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD/SLH-HKD/K- HTY- STY ngày 09/11/2016 là 168.764.995đ. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/7/2017 là: 1.890.093.095 đồng, trong đó nợ gốc: 1.000.000.000 đ; nợ lãi trong hạn 230.615.719đ; nợ lãi quá hạn 659.477.376 đ; phần nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 488 kể từ ngày 16/7/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo qui định tại các điểm 13.4.1, khoản 13.4 mức phạt là 2% x 1.500.000.000 đồng bằng 30.000.000đ.

** Bị đơn ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Tuấn A1, chị Phan Như M đều ủy quyền cho ông Nhâm Văn H1 trình bày:*

Về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, về số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và số tiền ông bà đã trả được Ngân hàng đúng như phần trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP K. Tuy nhiên, đối với tài sản trên thửa đất số 240 gồm: 01 ngôi nhà 03 tầng xây bê tông cốt thép, diện tích xây dựng khoảng 420m² (xây năm 2009), 01 gian bán mái tường gạch, lợp tôn diện tích 16m², khi xây dựng nhà các con ông H, bà L đều đóng góp tiền và công sức vào xây dựng nhà, các tài sản này ông H, bà L không thể chấp cho Ngân hàng, quyền sở hữu nhà thuộc vợ chồng ông H, bà L.

Việc Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ông H, bà L thì thấy: nội dung hợp đồng tín dụng số 488 ngày 16/11/2011 không thể hiện có hợp đồng thế chấp tài sản. Việc Ngân hàng cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp số 4741 ngày 29/11/2011; văn bản đăng ký thế chấp ngày 30/11/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền

sử dụng đất thị xã S, về hình thức văn bản không hợp lệ với hợp đồng tín dụng số 488, không có điều nào qui định ràng buộc với hợp đồng thế chấp số 4741 ngày 29/11/2011.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định:

- Buộc vợ chồng ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị L trả nợ cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến hết ngày 15/7/2017 gồm: tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 230.615.719 đồng; tiền lãi quá hạn là 659.477.376 đồng. Tổng cộng là 1.890.093.095 đồng.

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nếu vợ chồng ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 240, tờ bản đồ số 07, diện tích 310,6m² tại thôn M1, phường H2, thị xã S, Thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 582516, vào sổ cấp GCN số 00470 do UBND thị xã S, tỉnh Hà Tây(cũ) cấp ngày 11/3/2004 cho ông Phan Thanh H, bà Nguyễn Thị L.

- Trường hợp kê biên, phát mại tài sản thế chấp nhưng không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì vợ chồng ông H, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ tiếp cho đến khi trả hết nợ;

- Kể từ ngày 16/7/2017, ông H, bà L phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/8/2017, ông Phan Thanh H có đơn kháng cáo một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/7/2017 với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm lãi suất cho ông theo Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 19/7/2017 của Quốc hội Về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

Ngày 20/11/2013, ông Phan Thanh H có Đơn trình bày bổ sung đơn kháng cáo với nội dung: sức khỏe yếu do ảnh hưởng chất độc trong thời gian đi bộ đội, đề nghị Tòa miễn giảm cho ông trên 50% án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Thanh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 42 của Quốc hội để giảm lãi suất cho ông và giảm án phí sơ thẩm cho ông.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà L, anh A1 và chị M là ông Nhâm Văn H1 trình bày: Nhất trí với trình bày của ông H, các ông bà đồng ý với nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn của bản án sơ thẩm và không có ý kiến gì, chỉ mong Hội đồng

xét xử áp dụng Nghị quyết 42 của Quốc hội về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng để giảm lãi cho gia đình ông H. Ông cũng không có căn cứ nào hoặc có văn bản nào về việc áp dụng Nghị quyết 42 của Ngân hàng nhưng ông biết Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng áp dụng Nghị quyết này để giảm lãi cho người vay khi không trả được nợ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vắng mặt tại phiên tòa và đã gửi bài phát biểu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết với sự tự nguyện thỏa thuận của các bên về khoản vay, lãi suất trọng hạn, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với qui định của pháp luật, bị đơn cũng thừa nhận các khoản gốc, lãi chưa trả nên có căn cứ Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Về kháng cáo xin miễn, giảm lãi suất của ông H: nếu Ngân hàng đồng ý thì ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa.

Về kháng cáo xin miễn, giảm án phí của ông H: Theo nội dung đơn kháng cáo của ông H thì ông H là bộ đội có tham gia kháng chiến và bị nhiễm chất độc màu da cam. Nếu ông H nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh thể hiện ông thuộc trường hợp được miễn án phí theo các Điều 14 và 15 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm án phí cho ông H theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo Khoản 1 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét đơn kháng cáo của ông Phan Thanh H đề nghị Tòa án áp dụng Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 19/7/2017 của Quốc hội Về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng để giảm lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về các Hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD/SLH- HKD/K- HTY ngày 26/11/2011 và hợp đồng thế chấp số công chứng 4741/2011/HĐTC – K ngày 29/11/2011, ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L ký kết với Ngân hàng TMCP K là hoàn toàn tự nguyện do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách tham gia ký kết trên cơ sở thỏa thuận của các bên về khoản vay, lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp của ông H, bà L và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng cho ai khác, tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phan Thanh H 1.500.000.000đ, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận khoản nợ mà ông H và bà L còn nợ ngân hàng là đúng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu buộc ông H, bà L phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP K số tiền 1.890.093.095 đ và chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về xử lý tài sản đảm bảo nêu trên nếu ông H, bà L không thanh toán hết các khoản nợ đối với ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông Phan Thanh H đều thừa nhận toàn bộ nợ gốc và nợ lãi như bản án sơ thẩm, ông H chỉ đề nghị Tòa án áp dụng Nghị quyết 42 của Quốc hội giảm lãi cho ông. Tại cấp phúc thẩm, đại diện nguyên đơn có quan điểm không đồng ý giảm lãi suất cho ông Phan Thanh H theo nội dung kháng cáo. Xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc áp dụng Nghị quyết 42 để miễn giảm lãi cho bị đơn, hộ vay vốn kinh doanh ông Phan Thanh H không thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết 42 của Quốc hội, mặt khác, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cũng không đồng ý giảm lãi suất cho ông H.

[2.2] Đối với kháng cáo bổ sung xin miễn giảm án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của ông Phan Thanh H ngày 20/11/2017:

Đơn kháng cáo bổ sung của ông Phan Thanh H với nội dung: đề nghị Tòa miễn giảm cho ông trên 50% án phí sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm ông H xuất trình cho Tòa án Huy chương kháng chiến hạng nhất; Huy chương chiến sĩ giải phóng... Xét kháng cáo của ông Phan Thanh H vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu (ban đầu ông H chỉ kháng cáo đề nghị Tòa án áp dụng Nghị quyết 42 của Quốc hội để giảm lãi suất) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn một số sai sót cần sửa án và rút kinh nghiệm:

- Ngày 10/11/2016, Ngân hàng TMCP K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến phần tính lãi suất phạt của Hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD/SLH-HKD/K- HTY- STY ngày 09/11/2016 là 168.764.995đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phải đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên không xem xét đối với yêu cầu này là không chính xác, cần sửa án.

- Với phần tài sản trên đất thế chấp để bảo đảm khoản vay đối với hợp đồng tín dụng số 488. Ngày 10/11/2016, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản trên đất. Cấp sơ thẩm chấp nhận mà không đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đã rút này và không nhận định đối với tài sản trên đất xử lý theo Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm khi thi hành án là chưa triệt để và khó thi hành án.

- Tại Điều 47 của Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì tạm ứng án phí đối với vụ án kinh doanh thương mại là 2.000.000đ. Cấp sơ thẩm thu tạm ứng án phí 300.000đ là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

- Án sơ thẩm áp dụng Luật thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là không đúng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bởi các lẽ trên, căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã S. Cụ thể:

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi là 168.764.995đ của Hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD/SLH- HKD/K- HTY- STY ngày 09/11/2016 và yêu cầu giải quyết đối với tài sản trên đất thế chấp tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 07, diện tích 310,6m² tại thôn M1, xã H2, thị xã S, thành phố Hà Nội của Ngân hàng TMCP K đối với ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh H.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L.

4. Buộc ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến hết ngày 15/7/2017 gồm: tiền gốc 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*); tiền lãi trong hạn 230.615.719 đồng (*hai trăm ba mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, bảy trăm mười chín đồng*); tiền lãi quá hạn là 659.477.376 đồng (*sáu trăm lăm mươi chín triệu, bốn trăm bảy bảy nghìn, ba trăm bảy sáu đồng*). Tổng cộng là 1.890.093.095 đồng (*một tỷ tám trăm chín mươi triệu, không trăm chín ba nghìn, không trăm chín lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán các khoản lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 488/HĐTD/SLH- HKD/K- HTY ngày 26/11/2011 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

5. Trường hợp ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L không trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 240, tờ bản đồ số 07, diện tích 310,6m² tại thôn M1, phường H2, thị xã S, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 582516, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00470 do UBND thị xã S, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 11/3/2004 cho ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

6. Về án phí:

Ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị L phải nộp 68.700.000đ (*sáu tám triệu, bảy trăm nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP K số tiền 28.500.000đ (*Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 08736 ngày 30/10/2015 tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã S, thành phố Hà Nội.

Ông Phan Thanh H phải nộp 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 04353 ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã S, thành phố Hà Nội, còn phải nộp 1.700.000đ (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án phúc thẩm 06/02/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND thị xã S;
- Chi Cục THA DS thị xã S;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy